

Bản án số: 66/2018/HN-ST

Ngày: 30-7-2018

V/v “T/c về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Ngữ
2. Bà Hà Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Giả Huệ Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri – Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2018/TLST-HN ngày 04/4/2018 về việc “T/c về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2018/QĐST - HN ngày 30 tháng 5 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2018/QĐST - HN ngày 29 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị Kim N, sinh năm 1992; địa chỉ ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1989; địa chỉ ấp V, xã C, huyện T, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/3/2018 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Võ Thị Kim N trình bày:

Chị và anh P đã thuận tình ly hôn theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 220/2017/QĐST-HNGĐ ngày 06/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri. Theo nội dung của quyết định, anh P được quyền nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 03/6/2014; anh P tự nguyện không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung không tranh chấp; nợ chung không có. Tuy nhiên, từ sau khi ly thân đến nay, con chung vẫn ở chung với chị tại xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre. Anh P không một lần tới thăm con, cũng không đón con về nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị nhận thấy anh P không có trách nhiệm trong việc nhận nuôi con. Do đó, nay chị khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Cụ thể, chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày

03/6/2014 và yêu cầu anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Chị Võ Thị Kim N giữ nguyên trình bày, yêu cầu;
- Anh Nguyễn Ngọc P vắng mặt không lý do.

Quan điểm của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục: trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật và chấp hành nghiêm nội quy phiên tòa. Riêng bị đơn vắng mặt khi Tòa án triệu tập nên chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử.

- Về nội dung: Theo nội dung của Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 220/2017/QĐST-HNGĐ ngày 06/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, hai bên thỏa thuận: anh P là người được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 03/6/2014. Tuy nhiên, sau đó, anh P không quan tâm và thực hiện việc nuôi dưỡng con chung. Trong khi đó, chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng con từ khi ly thân cho đến nay. Hiện chị N có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên xét yêu cầu của chị N là có cơ sở. Căn cứ các điều 82, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N.

Từ các lời trình bày trên

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục:

Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng tại phiên tòa anh Nguyễn Ngọc P vẫn vắng mặt. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Xét yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật của chị Võ Thị Kim N, Hội đồng xét xử xét thấy. Theo nội dung của Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 220/2017/QĐST-HNGĐ ngày 06/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri: anh P được quyền nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 03/6/2014 và tự nguyện không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên từ sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật, anh P không thăm con, cũng như không đón con về nuôi dưỡng, chăm sóc. Điều này thể hiện anh P không có thực hiện tốt nghĩa vụ và quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Trong khi đó, xét thấy từ khi ly thân đến nay, con chung vẫn ở với chị N, hiện chị N có nghề nghiệp, thu nhập ổn định. Do đó, xét yêu cầu khởi kiện của chị N là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bị đơn phải nộp số tiền 600.000

đồng theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị Kim N. Chị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 03/6/2014. Buộc anh Nguyễn Ngọc P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 695.000đ (sáu trăm chín mươi lăm ngàn đồng) đến khi con chung tròn 18 tuổi. Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng tính từ ngày 30/7/2018.

Anh P có quyền thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Ngọc P phải nộp số tiền 600.000đ (sáu trăm ngàn đồng).

Trả lại cho chị Võ Thị Kim N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0015941 ngày 20/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã C, xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Thị Ngọc Duyên